

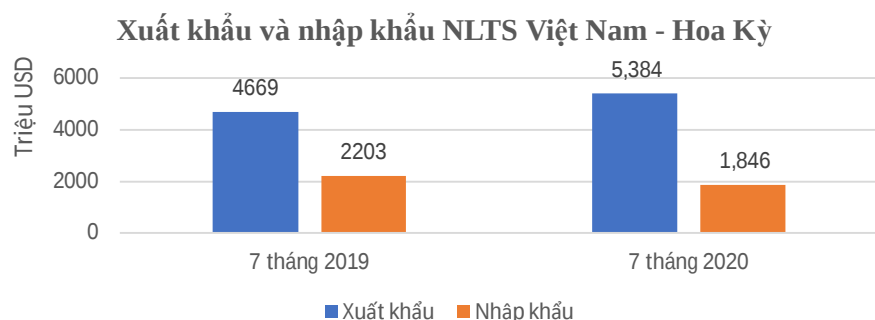
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

SỐ THÁNG 8
NĂM 2020

Thị trường Hoa Kỳ

ipard Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển NNNT

TÌNH HÌNH CHUNG

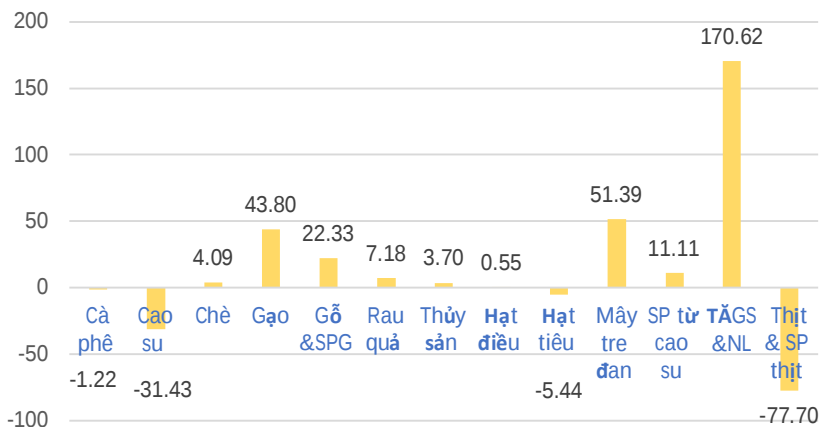


**So sánh xuất nhập khẩu
NLTS Việt Nam – Hoa Kỳ**

(7T/2020 – 7T/2019)

Xuất khẩu ▲ 15,38%
Nhập khẩu ▼ 16,21%

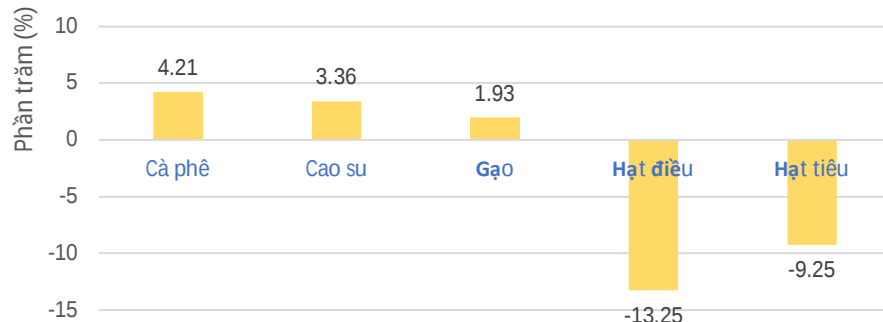
Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang Hoa Kỳ 7 tháng 2020/19



So sánh 7T/2020 với 7T/2019

Cà phê ▼ 1,22 %
Cao su ▼ 31,43%
Chè ▲ 4,09 %
Gạo ▲ 43,8 %
Gỗ và SP Gỗ ▲ 22,33 %
Rau quả ▲ 7,18%
Thủy sản ▼ 3,07%
Hạt điều ▲ 0,55 %
Hạt tiêu ▼ 5,44 %
Mây tre đan ▲ 51,39 %
SP từ cao su ▲ 11,11%
TÀGS và NL ▲ 170,62%
Thịt và SP thịt ▼ 77,7%

Biến động giá xuất khẩu BQ 7T/2020 - 7T/2019



**So sánh giá xuất khẩu
7T/2020 – 7T/2019**

Cà phê ▲ 4,21 %
Cao su ▲ 3,36%
Gạo ▲ 1,93%
Hạt điều ▼ 13,25%
Hạt tiêu ▼ 9,25 %

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Đại dịch COVID-19 đang khiến nền kinh tế Hoa Kỳ ảnh hưởng ngoài sức tưởng tượng, chấm dứt giai đoạn tăng trưởng kinh tế kéo dài nhất lịch sử. Hoa Kỳ là nước dẫn đầu thế giới về số ca nhiễm bệnh và tử vong do Covid-19¹. Theo Cục Phân tích Kinh tế Hoa Kỳ, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) thực tế giảm với tốc độ 31,7 % trong quý hai năm 2020. Chỉ số giá mua hàng trong nước giảm 1,5% trong quý thứ hai, ngược lại với mức tăng 1,4% trong quý đầu tiên. Các gói hỗ trợ liên tiếp được đưa ra nhưng hiệu quả còn chưa rõ rệt. Người tiêu dùng đã chi tiêu ít hơn dự kiến trong tháng 7, doanh số bán lẻ tăng 1,2% trong tháng 7 thấp hơn so với mức dự kiến tăng 2,3% theo khảo sát của Dow Jones, chủ yếu do tiêu thụ ô tô giảm sút. Tuy vậy, doanh số bán lẻ quán bar và nhà hàng, một ngành đặc biệt bị tấn công bởi virus coronavirus trong tháng 7 đã tăng 5%. Năng suất lao động tăng với tốc độ nhanh nhất trong 11 năm, tăng 7,3% trong quý thứ hai và vượt xa ước tính 1,5% của Reuters. Tỷ lệ thất nghiệp đã giảm nhưng vẫn ở mức 10,2%, với 28,3 triệu người Hoa Kỳ vẫn đang nhận trợ cấp. Các chuyên gia dự báo do tỷ lệ thất nghiệp tiếp tục cao, doanh số bán lẻ trong tháng 8 và vào mùa thu sẽ phụ thuộc rất nhiều vào thời gian và mức độ hỗ trợ của chính phủ.

Hoa Kỳ vẫn là đối tác hàng đầu trong xuất khẩu NLTS của Việt Nam, mặc dù ảnh hưởng của dịch bệnh tại Hoa Kỳ vẫn còn nặng nề, xuất khẩu NLTS Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 7/2020 tăng lên đáng kể, đạt 1,06 tỷ USD, cao nhất trong 7 tháng đầu năm, tăng 15,04% so với tháng 6/2020, và tăng 33,8% so với cùng kỳ năm 2019. So với tháng 6/2020, nhiều mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng đặc biệt là các sản phẩm có tỷ trọng xuất khẩu lớn như: gỗ và các sản phẩm gỗ tăng 21%, thủy sản và mây tre đan tăng 13%, hạt tiêu tăng 26%, sản phẩm từ cao su tăng 3%. Trong khi đó, một số mặt hàng giảm như gạo giảm 54%, cao su giảm 23%, cà phê giảm 7%, rau quả giảm 12%, hạt điều giảm 5%. So với cùng kỳ năm 2019, một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng rất cao như thức ăn gia súc và nguyên liệu tăng 132%, mây tre đan tăng 70%, gỗ và các sản phẩm gỗ tăng 57%,

¹ Tính đến hết ngày 28/07/2020 có 1.592 ca tử vong vì Covid-19 trong 24 tiếng đồng hồ, nâng thiệt hại nhân mạng lên 148.488 người.

thủy sản tăng 20%, cà phê tăng 13%. Trái lại, kim ngạch xuất khẩu cao su giảm 70%, hạt điều giảm 35%, chè giảm 14%.

Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) đã triển khai nhiều dự án, chương trình để giảm tác động do Covid 19 gây ra. Là một phần của Chương trình Hỗ trợ Thực phẩm do Coronavirus, Bộ trưởng Perdue công bố vào ngày 17 tháng 4, USDA đang thực thi Chương trình Hộp Nông sản từ Trang trại tới Gia đình (Farmers to Families Food Box). Thông qua chương trình này, USDA thu mua sản phẩm nông sản tươi sống lên tới 3 tỷ USD từ các nhà sản xuất Hoa Kỳ. Chương trình sẽ cung cấp thực phẩm gồm trái cây và rau tươi, các sản phẩm từ sữa, các sản phẩm từ thịt trong các hộp có lượng thực phẩm đủ dùng cho quy mô 1 gia đình, sau đó vận chuyển chúng đến các cửa hàng thực phẩm, các tổ chức cộng đồng và tín ngưỡng, và các tổ chức phi lợi nhuận khác để phục vụ những người có nhu cầu. Vòng mua đầu tiên với tổng trị giá lên đến 1,2 tỷ USD diễn ra từ ngày 15/ 5 đến ngày 30/6/2020. Vòng thứ hai sẽ dự tính sẽ mua trị giá 1,47 tỷ USD từ ngày 1/7 đến ngày 31/8/ 2020. USDA có thể kéo dài thời gian hoạt động của chương trình khi Tổng thống Trump mới đây đã công bố tài trợ thêm 1 tỷ USD cho Chương trình. Đến nay chương trình đã cung cấp hơn 70 triệu hộp cho những người có nhu cầu trên khắp đất nước.

Trong tháng 8, Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu đã công bố thỏa thuận về một gói cắt giảm thuế quan cho hàng trăm triệu USD hàng xuất khẩu của Hoa Kỳ và EU. Đây là lần đầu tiên Hoa Kỳ-EU đàm phán cắt giảm thuế quan trong hơn hai thập kỷ qua. Theo thỏa thuận, EU sẽ loại bỏ thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm tôm hùm sống và đông lạnh của Hoa Kỳ trên cơ sở Tối huệ quốc (MFN), có hiệu lực từ ngày 1 tháng 8 năm 2020. Các loại thuế quan của EU sẽ được xóa bỏ trong thời gian 5 năm và Ủy ban Châu Âu sẽ nhanh chóng bắt đầu các thủ tục nhằm xóa bỏ vĩnh viễn. Về phía Hoa Kỳ, Hoa Kỳ sẽ giảm 50% thuế suất đối với một số sản phẩm mà EU xuất khẩu có giá trị thương mại trung bình hàng năm là 160 triệu USD, bao gồm một số loại đồ ăn chế biến sẵn, đồ thủy tinh pha lê, các chế phẩm hoạt động bề mặt, thuốc phóng Propellan, bột lửa và các bộ phận bột lửa. Việc cắt giảm thuế quan của Hoa Kỳ cũng sẽ được thực hiện trên cơ sở MFN và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 8 năm 2020. Thỏa thuận này được kỳ vọng sẽ dẫn đến các thỏa thuận bổ sung nhằm tạo ra thương mại xuyên Đại Tây Dương tự do, công bằng và có đi có lại hơn giữa hai bên.

USDA mới công bố điều chỉnh dự báo về thương mại của Hoa Kỳ trong năm tài chính 2021 trong báo cáo thương mại ra vào tháng 8/2020. Theo đó, xuất khẩu nông sản của Hoa Kỳ trong năm tài chính 2021 dự kiến đạt 140,5 tỷ USD, tăng 5,5 tỷ USD so với dự báo cũ cho năm tài chính 2020. Sự gia tăng này chủ yếu là do tăng trưởng xuất khẩu đậu tương và ngô lên mức lần lượt là 20,4 tỷ USD và 9,0 tỷ USD trong năm 2021 vì tăng mạnh nhu cầu dự kiến của Trung Quốc và giảm cạnh tranh từ Brazil. Xuất khẩu sản phẩm làm vườn được dự báo sẽ tăng 500 triệu USD, đạt mức 35,0 tỷ USD. Xuất khẩu gia súc, gia cầm và sữa được dự báo sẽ tăng 500 triệu USD đạt mức 32,3 tỷ USD trong năm tài chính 2021. Xuất khẩu bông được dự báo sẽ giảm 400 triệu USD xuống 5,0 tỷ USD do giảm đồng thời cả khối lượng và đơn giá xuất khẩu. .

Về nhập khẩu, dự báo sẽ tiếp tục xu hướng tăng, tổng giá trị nhập khẩu nông sản của Hoa Kỳ trong năm tài chính 2021 là 136 tỷ USD, cao hơn 4,3 tỷ USD so với năm tài chính 2020. Nhập khẩu tăng chủ yếu là do tăng nhu cầu nhập khẩu các sản phẩm làm vườn; ngũ cốc và thức ăn chăn nuôi, dự báo lần lượt đạt mức là 69,8 tỷ USD và 14,7 tỷ USD vào năm 2021. Trong khi đó, nhập khẩu trái cây tươi và chế biến, dự báo tăng 500 triệu USD mỗi loại so với năm 2020 lên 14,8 tỷ USD và 5,9 tỷ USD. Dự báo năm 2021, kim ngạch nhập khẩu hạt có dầu và các sản phẩm từ hạt có dầu Hoa Kỳ sẽ là 9,1 tỷ USD, không đổi so với năm 2020.

Về thị trường nhập khẩu, nhập khẩu từ EU trong năm 2021 được dự báo đạt 24,6 tỷ USD, tăng 200 triệu USD so năm 2020, trong khi nhập khẩu từ Châu Phi, Trung Đông và Châu Đại Dương không đổi so với năm 2020. Nhập khẩu nông sản của Hoa Kỳ từ châu Á dự kiến sẽ tăng 1,6 tỷ USD so với năm 2020 đạt 24,1 tỷ USD, chủ yếu là do nhập khẩu từ Đông Nam Á dự kiến tăng 1,2 tỷ USD so với năm 2020 lên mức 15,0 tỷ USD vào năm 2021. Trong đó nhập khẩu từ Việt Nam dự kiến tăng lên mức 3,1 tỷ USD trong năm 2021, cao hơn 700 triệu USD so với năm 2020. Dự báo nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc là 4,1 tỷ USD cho năm tài chính 2021, cao hơn 200 triệu USD so với năm 2020.

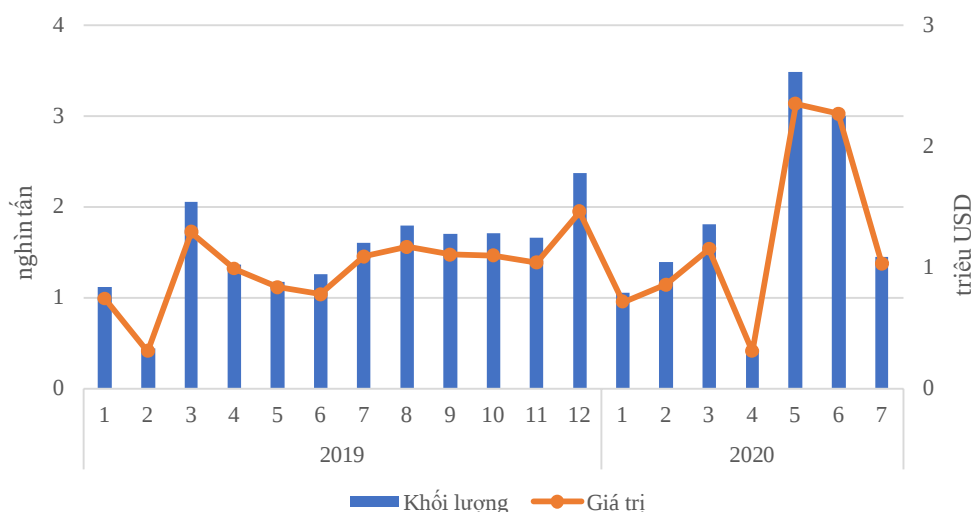
CHI TIẾT CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. Lúa gạo

Theo dự báo cập nhật tháng 8/2020 của USA, sản lượng gạo của Hoa Kỳ trong năm 2020 vẫn được báo là sẽ sụt giảm hơn 1,24 triệu tấn, từ 7,11 triệu tấn của năm 2019 xuống còn 5,86 triệu tấn. Nguyên nhân chính là do lượng mưa nhiều ở miền Nam đã ảnh hưởng lớn đến diện tích và năng suất lúa. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu của Hoa Kỳ ước đạt 1,15 triệu tấn, tăng 169 nghìn tấn so với năm ngoái.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 7/2020, Việt Nam xuất khẩu được 1,5 nghìn tấn gạo, trị giá 1,0 triệu USD sang thị trường Hoa Kỳ, giảm 51,5% về khối lượng và 54,5% về giá trị so với tháng 6/2020, và giảm 9,7% về khối lượng và 5,4% về giá trị so với tháng 7/2019. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong bảy tháng đầu năm 2020 đạt 12,6 nghìn tấn, trị giá 8,7 triệu USD, tăng 39,2% về khối lượng và 44,2% về giá trị so với bảy tháng đầu năm 2019.

Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hoa Kỳ



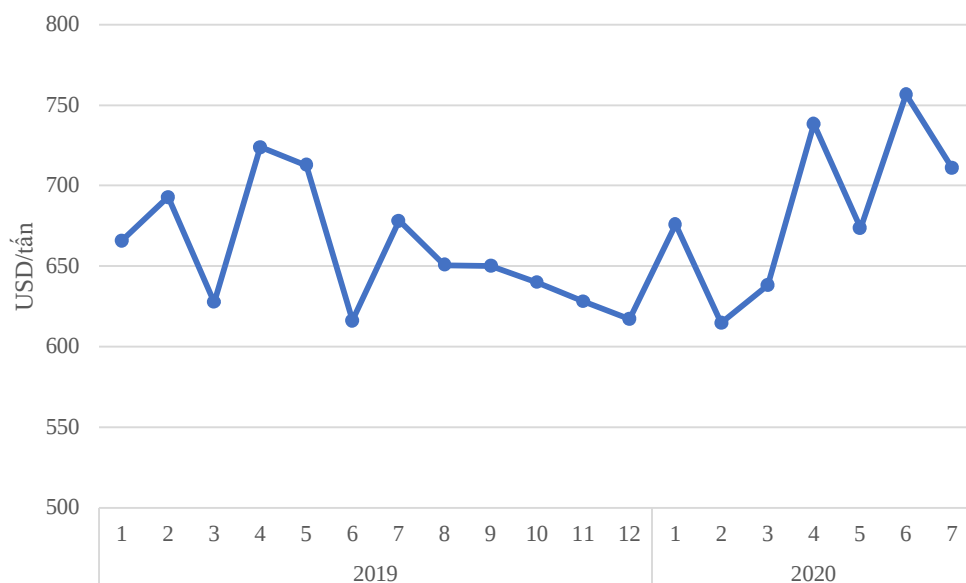
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2020, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 1,2 nghìn tấn, trị giá 850,3 nghìn USD (chiếm 79,5% về khối lượng

và 82,4% về giá trị); so với tháng 7/2019, xuất khẩu gạo thơm sang Hoa Kỳ đã tăng 16,1% về khối lượng và 19,3% về giá trị. Đứng thứ hai là gạo trắng đạt 229 tấn, trị giá 126,8 nghìn USD (15,8% về khối lượng và 12,3% về giá trị); so với tháng 7/2019, xuất khẩu gạo trắng sang Hoa Kỳ đã giảm 51,4% về khối lượng và 45,4% về giá trị. Đứng thứ ba là gạo Japonica đạt 50 tấn, trị giá 36,7 nghìn USD (3,4% về khối lượng và 3,6% về giá trị); so với tháng 7/2019, xuất khẩu gạo Japonica sang Hoa Kỳ đã giảm 18,6% về khối lượng và 3,2% về giá trị.

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tháng 7/2020 đạt 710,9 USD/tấn, giảm 6,1% so với tháng 6/2020 nhưng tăng 4,8% so với cùng kỳ năm 2019.

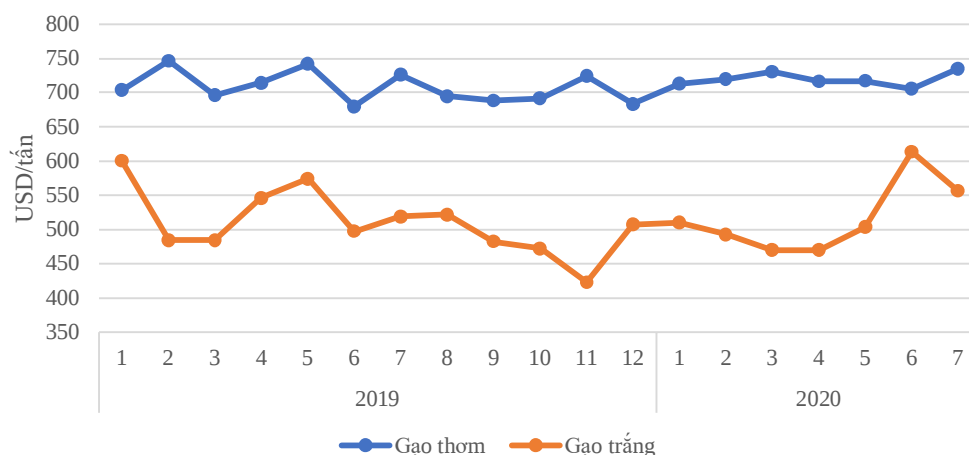
Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá các loại gạo chính xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ có xu hướng tăng giảm trái chiều trong tháng. Cụ thể, giá xuất khẩu gạo thơm tháng 7/2020 đạt trung bình 735,2 USD/tấn, tăng 4,1% so với tháng 6/2020 và 1,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Còn giá gạo trắng đạt 556,5 USD/tấn, giảm 9,3% so với tháng trước nhưng tăng 7,2% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Ghi chú: Giá gạo trắng không bao gồm các loại gạo hữu cơ

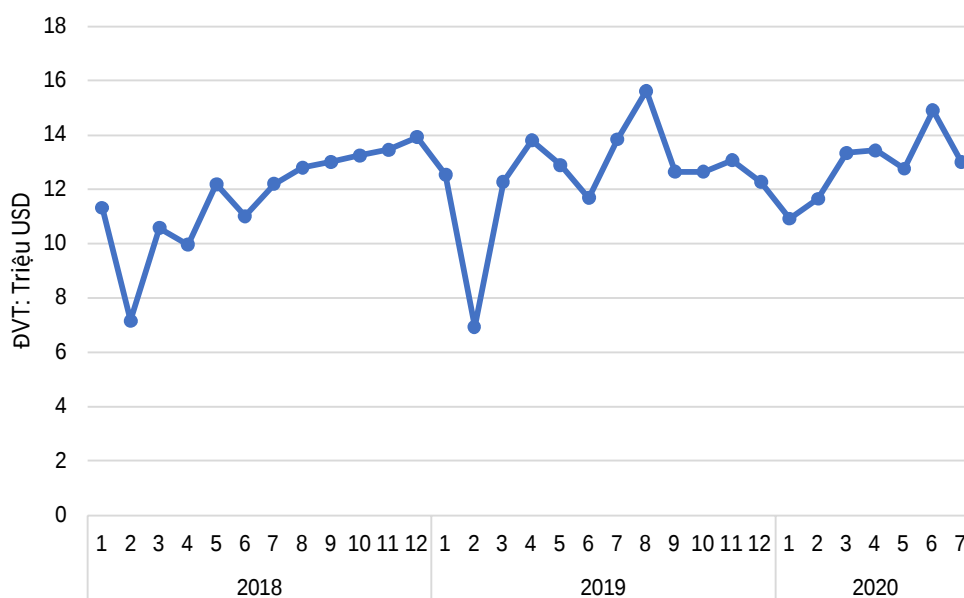
Trong tháng 7/2020, top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hoa Kỳ là Công ty CP Soharice, Chi nhánh Long An - Công ty TNHH Highland Dragon, và Công ty CP Phước Đạt. Ba công ty này chiếm lần lượt 30,5%, 22,9% và 18,8% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 7/2020. So với cùng kỳ năm 2019, kim ngạch xuất khẩu của các công ty này ước tính tăng trưởng như sau: Công ty CP Soharice tăng ấn tượng với chỉ số 116,8% kim ngạch, Chi nhánh Long An - Công ty TNHH Highland Dragon giảm 43,1%, còn Công ty CP Phước Đạt không xuất khẩu trong tháng 7/2019 nhưng có xuất khẩu trong tháng 7/2020.

2. Rau quả

Từ tháng 3/2020, khi tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, Hoa Kỳ đã yêu cầu nhân viên bản xứ phải quay về nước, trong khi đó có nhân viên của Cơ quan Kiểm dịch động thực vật Hoa Kỳ (APHIS) – đơn vị trực tiếp kiểm dịch, giám sát quy trình chiếu xạ Sơn Sơn ở thành phố Hồ Chí Minh. Đây cũng là nhà máy chiếu xạ duy nhất của Việt Nam được APHIS chứng nhận. Sau khi nhân viên của APHIS về nước, Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam được ủy quyền theo dõi việc chiếu xạ nhưng mỗi ngày chỉ làm việc 2 tiếng và do việc này cũng không phải chuyên môn của họ nên từ ngày 7/8/2020 họ không tiếp nhận việc kiểm dịch. Từ đó việc chiếu xạ bị ngừng trệ và xuất khẩu trái cây sang Hoa Kỳ bị chững lại. Việt Nam đã nỗ lực làm việc với Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam đề nghị họ cho phép cán bộ Đại sứ quán tiếp tục thực hiện giám sát xử lý để hoa quả tươi xuất khẩu sang thị trường này trong thời gian chờ đợi chuyên gia của APHIS sang và đã được chấp thuận, việc chiếu xạ đã được tiếp tục từ ngày 25/8/2020.

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 7 năm 2020 đạt 13 triệu USD, chiếm 5,8% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, giảm 12,7% so với tháng trước (đạt 14,9 triệu USD) và giảm 6% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 13,8 triệu USD). Tính chung 7 tháng đầu năm 2020, giá trị xuất khẩu rau quả sang Hoa Kỳ đạt 90 triệu USD, tăng 7,1% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 84 triệu USD)

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ

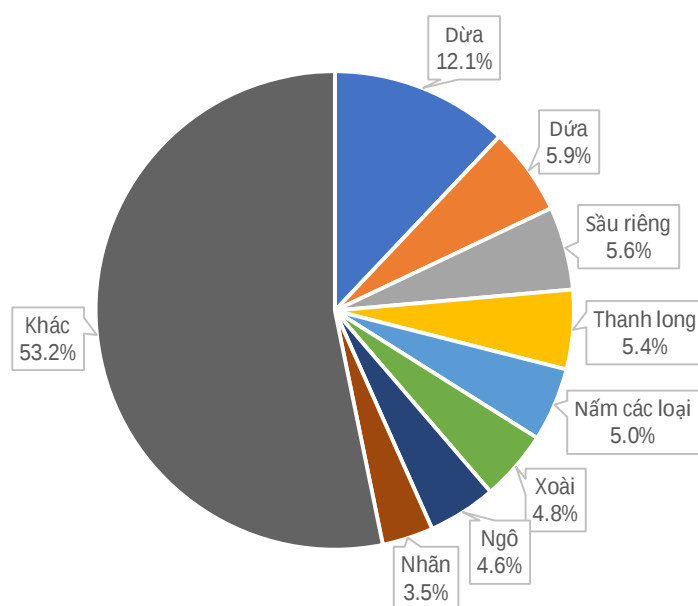


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 7 năm 2020, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 6,2 triệu USD (chiếm 47,4% thị phần, giảm 25,4% so với cùng kỳ năm 2019) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 6,8 triệu USD (chiếm 52,6% thị phần, tăng 22,7%), trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 2,7 triệu USD (tăng 290,7%); (ii) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 2,1 triệu USD (giảm 13,6%); (iii) Rau, quả muối chua (mã HS.2001) đạt 589 nghìn USD (tăng 11,4%); ...

Trong tháng 7 năm 2020, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ nhiều nhất bao gồm dứa đạt 1,6 triệu USD (chiếm 12,1% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 71,8% so với cùng kỳ năm 2019); dưa đạt 0,8 triệu USD (chiếm 5,9%, tăng 80,8%); sầu riêng đạt 0,7 triệu USD (chiếm 5,6%, tăng 239,9%); thanh long đạt 0,7 triệu USD (chiếm 5,4%, giảm 64,3%); nấm các loại đạt 0,6 triệu USD (chiếm 5%, giảm 39,9%); ngô đạt 0,6 triệu USD (chiếm 4,6%, giảm 13,8%); nhãn đạt 0,4 triệu USD (chiếm 3,5%, giảm 52,3%); ...

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 7 năm 2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hoa Kỳ tháng 7 năm 2020 đạt 32,5 triệu USD, chiếm 25,4% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, giảm 16,6% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 39 triệu USD). Tính chung 7 tháng đầu năm 2020, giá trị nhập khẩu

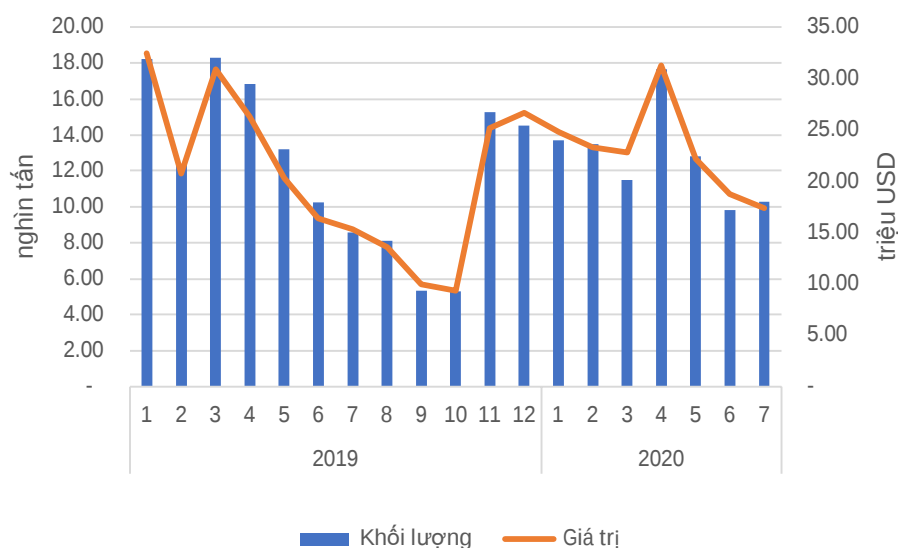
rau quả từ Hoa Kỳ đạt 180,9 triệu USD, tăng 16,4% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 155,4 triệu USD). Trong tháng 7/2020, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là anh đào đạt 14,4 triệu USD (chiếm 44,3%; giảm 5,1% so với cùng kỳ năm 2019); nho đạt 7,7 triệu USD (chiếm 23,6%, giảm 10,5%); hạnh nhân đạt 2 triệu USD (chiếm 6,2%, giảm 65,1%); táo đạt 1,7 triệu USD (chiếm 5,4%, giảm 17,2%); ...

Trong tháng 7/2020, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hoa Kỳ là Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Khu công nghiệp Biên Hòa II, Công ty CP Chế biến thực phẩm xuất khẩu G.O.C và Công ty TNHH Quốc Thảo với giá trị lần lượt là 1,9 triệu USD (tương đương 14,9% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 7/2020); 0,5 triệu USD (3,8%) và 0,4 triệu USD (3,4%). So với cùng kỳ năm 2019, Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Khu công nghiệp Biên Hòa II giảm 34,9%, Công ty CP Chế biến thực phẩm xuất khẩu G.O.C tăng 19,4% và Công ty TNHH Quốc Thảo tăng 43,6%.

3. Cà phê

Xuất khẩu cà phê tháng 7/2020 tăng 4,2% về khối lượng nhưng giảm 7,2% về giá trị so với tháng 6/2020. Theo đó, trong tháng 7/2020, Việt Nam xuất khẩu 10,2 nghìn tấn cà phê sang Hoa Kỳ, giá trị 17,4 triệu USD, tăng 19,8% về khối lượng và tăng 13,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Tính chung 7 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cà phê sang thị trường này đạt 89,3 nghìn tấn và đạt 160,5 triệu USD, giảm 8,7% về khối lượng và giảm 1,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

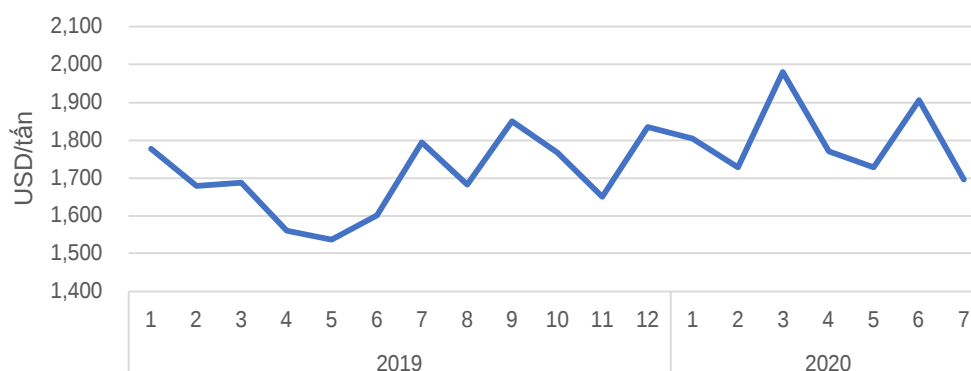
Về cơ cấu sản phẩm, Hoa Kỳ nhập khẩu chủ yếu chủng loại cà phê Arabica hoặc Robusta chưa rang, chưa khử cafein (mã HS 090111). Tính riêng 7 tháng đầu năm 2020, lượng nhập khẩu đạt 79,3 nghìn tấn, giá trị 129,2 triệu USD, giảm 26,9% về khối lượng và giảm 24,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Cà phê nhân thô giảm trong khi cà phê chế biến có sự tăng trưởng ổn định. Cụ thể, cà phê chưa rang, đã khử cafein (mã HS 090112) tăng 48,1% về khối lượng và tăng 27,2% về giá trị; cà phê đã rang, đã khử cafein (mã HS 090122) tăng 64,4% về giá trị; cà phê hòa tan, tinh chất (mã HS 2101) tăng 25,5% về khối lượng và tăng 13,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Tháng 7/2020, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ là 1.696 USD/tấn, giảm 11% so với tháng 6/2020 và giảm 5,5% so với tháng 7/2019. Tính chung 7 tháng đầu năm 2020, giá cà phê xuất khẩu tại Hoa Kỳ tăng 8,4% so với cùng kỳ năm 2019, mức giá bình quân đạt 1.797 USD/tấn. Giá cà phê rung lắc dữ dội khi Chính phủ Hoa Kỳ công bố gói cứu trợ trị giá 1 nghìn tỷ USD. Lượng tiền khổng lồ dự kiến tiếp tục bơm ra khiến đồng USD suy yếu gây ảnh hưởng đến giá hàng hóa, các mặt hàng nông sản, trong đó có cà phê.

Dự báo trong ngắn hạn, giá cà phê tại thị trường Hoa Kỳ khó tăng do sức mua yếu, nhu cầu tiêu thụ hạn chế, nền kinh tế hiện đối mặt với nhiều rủi ro. Thời

điểm hiện tại, các chỉ số kinh tế Hoa Kỳ không như kỳ vọng và căng thẳng thương mại giữa Hoa Kỳ - Trung Quốc tiếp tục leo thang.

Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Nửa đầu năm 2020, Hoa Kỳ tăng nhập khẩu cà phê từ Brazil, nhưng giảm nhập khẩu từ Việt Nam. Theo ITC, nhập khẩu cà phê của Hoa Kỳ từ Brazil trong 5 tháng đầu năm 2020 đạt 189,5 nghìn tấn, giá trị 469,2 triệu USD, tăng 0,6% về lượng và tăng 4,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Ngược lại, nhập khẩu cà phê tại thị trường này từ Việt Nam trong 5 tháng đầu năm 2020 giảm 10% về lượng và giảm 5,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019, đạt 77 nghìn tấn, giá trị 148,2 triệu USD. Thị phần cà phê Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của nước này chiếm 11,6% trong 5 tháng đầu năm 2020, không đổi so với cùng kỳ năm 2019.

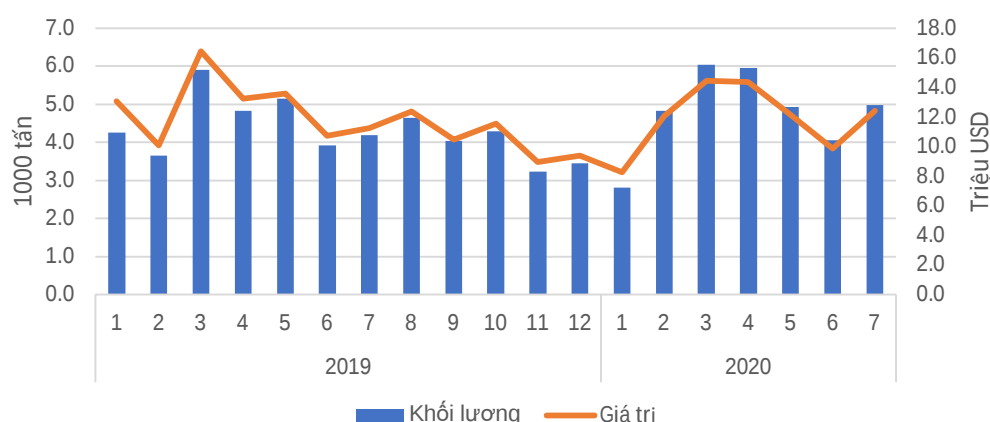
Hoa Kỳ được dự báo sẽ tăng nhu cầu nhập khẩu lên mức 1,6 triệu tấn cà phê trong thời gian tới. Dù lượng nhập khẩu tăng lên nhưng dự báo trong quý III/2020, giá cà phê vẫn giữ ở mức ổn định do làn sóng Covid-19 thứ hai đang lan rộng. Tính đến cuối tháng 8/2020, Hoa Kỳ đang là nước chịu hậu quả nặng nề nhất từ dịch bệnh này.

4. HỒ TIÊU

Bất chấp sự suy giảm đáng kể sang nhiều thị trường, xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hoa Kỳ vẫn tăng trưởng tốt. Trong 7 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường này đạt 5 nghìn tấn, tương đương 12,5 triệu USD, tăng 5,4%

về khối lượng nhưng vẫn giảm 5,4% về khối lượng do ảnh hưởng bởi xu hướng giá giảm trên thị trường thế giới.

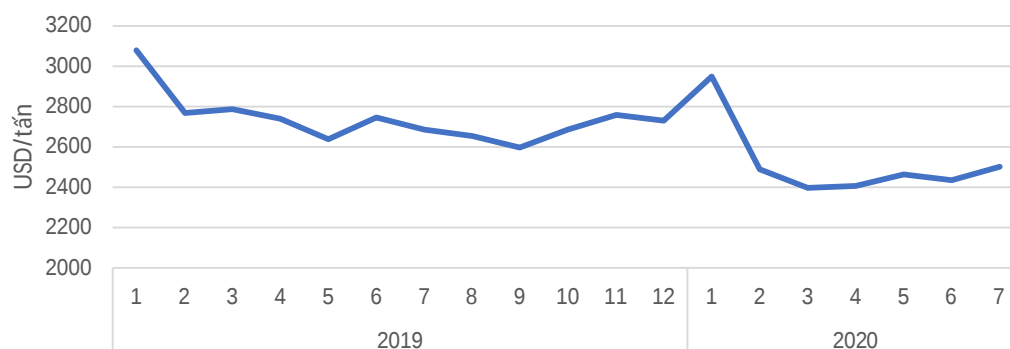
Hình 8: Xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ, 2019-2020



Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

Giá xuất khẩu bình quân sang Hoa Kỳ trong tháng 7/2020 tăng nhẹ so với tháng trước đó. Cụ thể, giá tiêu xuất khẩu bình quân tháng 7/2020 đạt 2.488 USD/tấn, tăng 2,7% so với tháng 6/2020.

Hình 9: Giá tiêu xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

So với các đối thủ cạnh tranh khác, hồ tiêu Việt Nam vẫn có triển vọng tốt tại thị trường Hoa Kỳ. Việt Nam tiếp tục là nguồn cung hồ tiêu lớn nhất của Hoa Kỳ, với thị phần 65,9% trong tổng khối lượng nhập khẩu tiêu của Hoa Kỳ nửa đầu năm 2020. So với cùng kỳ năm 2019, thị phần của Việt Nam đã tăng khoảng 0,7%. Trong khi đó, thị phần của một số các đối thủ cạnh tranh khác lại giảm, đặc biệt là Ấn Độ và Trung Quốc. Trong 6 tháng đầu năm 2020, thị phần của Ấn Độ trong tổng khối

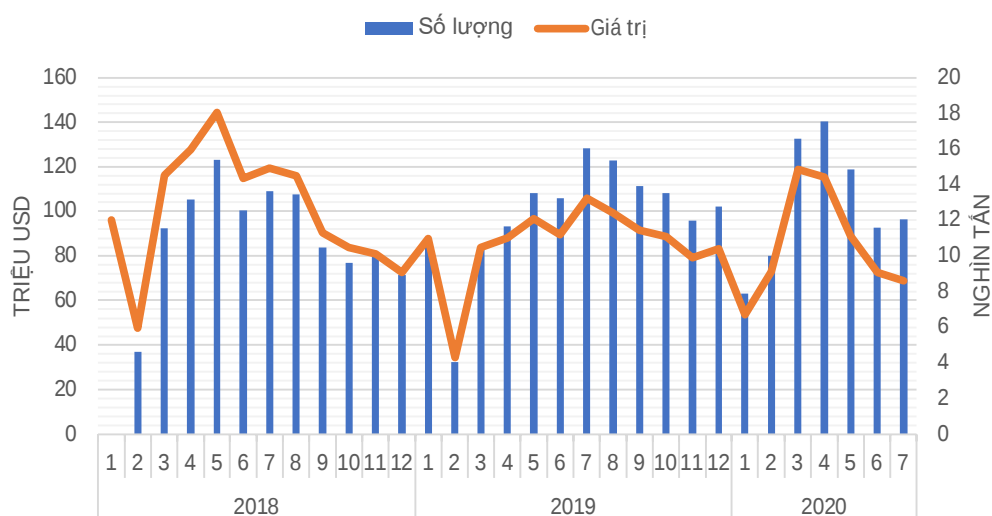
lượng hồ tiêu nhập khẩu của Hoa Kỳ đã giảm còn 4,9% từ mức 7,8% cùng kỳ năm 2019. Khối lượng nhập khẩu hồ tiêu của Hoa Kỳ từ nước này cũng đã giảm 39,6%. Tương tự, nhập khẩu hồ tiêu của Hoa Kỳ từ Trung Quốc cũng đã giảm 54,5%, khiến thị phần của Trung Quốc đã giảm 0,7%.

Trong thời gian tới, xuất khẩu hồ tiêu sang Hoa Kỳ dự kiến sẽ khó có khả năng tăng mạnh, do hoạt động kinh doanh của các nhà hàng và dịch vụ ăn uống tại Hoa Kỳ vẫn còn chịu nhiều ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, khiến nhu cầu hồ tiêu giảm.

5. Điều

Xuất khẩu điều nhân sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 7/2020 vẫn tương đối trầm lắng, đạt 12 nghìn tấn, trị giá 68,8 triệu USD, tăng 3,7% về khối lượng nhưng giảm 5,2% về giá trị so với tháng 06/2020. Thị trường điều nhân ảm đạm do nhiều nhà nhập khẩu đã mua đủ lượng dự trữ đến tháng 12/2020, một số khác thì xin giao hàng chậm 1 đến 2 tháng. Tính đến hết 7 tháng đầu năm 2020, lượng xuất khẩu điều nhân của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ vẫn đạt mức tăng trưởng tốt, bất chấp ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Khối lượng điều nhân xuất khẩu sang thị trường này đạt 90,48 nghìn tấn và 585,9 triệu USD, tăng 13,53% về khối lượng và 0,86% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

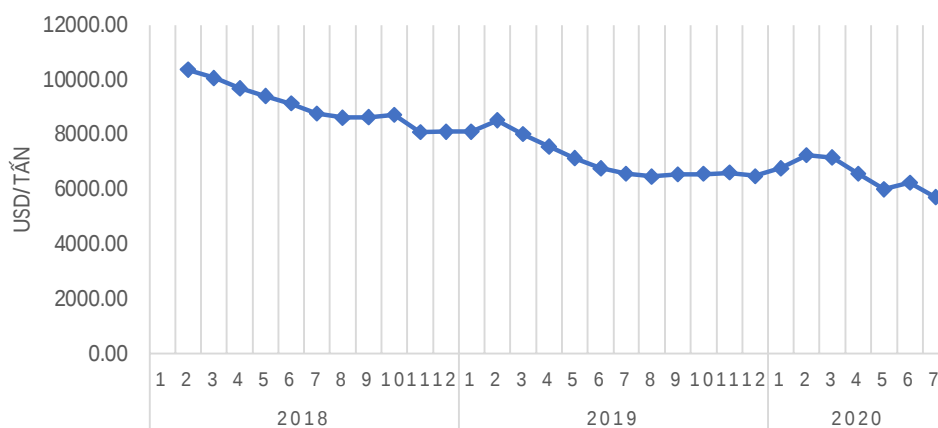
Hình 10: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá điều nhân sang thị trường Hoa Kỳ giảm cùng với xu hướng giảm của giá điều thô thế giới. Trong tháng 7/2020, giá xuất khẩu điều nhân bình quân đạt 5.719 USD/tấn, giảm 8,57% so với tháng 06/2020 và giảm 13,2% so với cùng kỳ năm 2019. Giá điều thô thế giới giảm xuống mức thấp nhất trong vòng 10 -12 năm trở lại đây do ảnh hưởng của dịch Covid-19, xuống còn 900 – 1.250 USD/tấn.

Hình 11: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Hiện nay dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, sẽ còn tiếp tục ảnh hưởng tới các thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam. Vì vậy, các doanh nghiệp cần chuyển đổi hình thức xúc tiến thương mại trực tiếp sang quảng bá, kết nối trực tuyến để duy trì và phát triển thị trường, bảo đảm khôi phục hoạt động xuất khẩu sau khi dịch được khống chế. Bên cạnh đó, ngoài tìm hướng xuất khẩu cũng cần hướng đến

việc tiêu thụ trong nước. Bởi hiện nay, các doanh nghiệp chủ yếu phục vụ xuất khẩu, thị trường trong nước chưa được quan tâm đúng mức. Đẩy mạnh tiêu thụ trong nước qua liên kết chuỗi sẽ tạo được thị trường ổn định, từ đó người trồng điều vừa bán được sản phẩm, vừa giảm bớt áp lực khi xuất khẩu gặp khó khăn.

Dự báo xuất khẩu điều nhân của Việt Nam trong quý III sang thị trường Hoa Kỳ sẽ còn giảm, vì cuối quý II và đầu quý III giá điều nhân xuất khẩu rất thấp, với thực trạng giá điều thô tăng cao, khó cân đối khiến nhiều doanh nghiệp chế biến điều vừa và nhỏ tạm ngừng sản xuất. Dự kiến sang đến quý IV xuất khẩu điều nhân sẽ có khởi sắc, vì vào những tháng cuối năm các nhà nhập khẩu Hoa Kỳ sẽ tăng nhập khẩu phục vụ nhu cầu các dịp lễ cuối năm. Do lượng tích trữ điều nhân tại các thị trường tiêu thụ chính còn nhiều và giá các loại hạt khác cùng phân khúc với điều nhân đều đang giảm mạnh, dự báo giá điều nhân trong quý III và quý IV là khó có khả năng tăng.

6. Thịt và sản phẩm từ thịt

Theo cáo báo thị trường chăn nuôi tháng 8/2020 của Bộ nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), tình hình xuất khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt của Hoa Kỳ đã có sự thay đổi đáng kể so với cùng kỳ năm 2019. Xuất khẩu thịt bò 6 tháng đầu năm đã giảm 7,6% so với cùng kỳ năm 2019. Trong khi đó, xuất khẩu thịt gà tăng 4,2%, và thịt lợn tăng 27,4% trong nửa đầu năm 2020, chủ yếu là những đơn hàng lớn xuất sang thị trường Trung Quốc.

Trong tháng 7, cơ quan Thông kê nông nghiệp Quốc gia Hoa Kỳ (NASS) ước tính đàn bò của nước này đạt 103 triệu con, tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, số lượng bò thịt ước tính là 250.000 con và thấp hơn 0,8% so với một năm trước là 32,1 triệu con, nhưng số lượng bò sữa ước tính là 50.000 con và tăng 0,5% so với năm trước là 9,4 triệu con. Số lượng bê con được ước tính chỉ thấp hơn một phần nhỏ so với một năm trước là 35,8 triệu con. Dự báo mới nhất của USDA cũng đã nâng tổng lượng thịt bò năm 2020 của Hoa Kỳ đạt 12,25 triệu tấn do các cơ sở giết mổ đã phục hồi nhanh hơn dự kiến trong tháng 6 và tháng 7 vừa qua.

Nhập khẩu thịt bò của Hoa Kỳ trong tháng 6 đã tăng lên 140,2 nghìn tấn, tăng hơn 15% so với cùng kỳ năm 2019. Việc mở rộng xuất khẩu trong tháng 6 được đánh giá do nhu cầu thịt cho chế biến đã tăng trở lại trong thời gian gần đây. Thị trường xuất khẩu thịt vào Hoa Kỳ nhiều nhất là Canada (26%), Mexico (24%), Úc (17%), New Zealand (15%), v.v. Trong đó, nhập khẩu thịt bò của Hoa Kỳ từ Mexico tăng cao nhất, tăng 58% so với cùng kỳ năm 2019. Tổng lượng thịt bò nhập khẩu của Hoa Kỳ trong Quý II đạt 384,65 nghìn tấn. Dự báo lượng nhập khẩu thịt bò của Hoa Kỳ trong Quý III và Quý IV sẽ tăng, ước đạt lần lượt là 367,4 nghìn tấn và 319,8 nghìn tấn, do nhu cầu trong nước đối với thịt bò chế biến dự kiến vẫn sẽ cao trong những tháng cuối năm.

Xuất khẩu thịt bò của Hoa Kỳ trong tháng 6 đạt 83 nghìn tấn giảm hơn 40 nghìn tấn, tương đương 33% so với một năm trước. Đây là tháng thứ 2 liên tiếp, xuất khẩu thịt bò của Hoa Kỳ dao động ở mức 83 đến 85 nghìn tấn, mức thấp nhất kể từ tháng 5/2009 (chỉ đạt 78,5 nghìn tấn). Thị trường suy giảm lớn nhất và lớn thứ ba đối với thịt bò xuất khẩu của Hoa Kỳ trong tháng 6 là Hàn Quốc và Nhật Bản, giảm lần lượt 39% và 20,66% so với cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân sụt giảm ở hai thị trường này là do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 khiến cho các nhà máy chế biến thịt bò của Hoa Kỳ phải đóng cửa tạm thời trong khoảng thời gian cuối tháng 4, đầu tháng 5. Đồng thời giá thịt bò cao cũng khiến các nhà xuất khẩu giảm doanh thu trong tháng 6.

Trong tháng 7/2020, công suất của ngành công nghiệp chế biến thịt lợn của Hoa Kỳ đã tăng trở lại đạt trung bình 94,7%. Sau khi các nhà máy phải đóng cửa do ảnh hưởng với dịch bệnh Covid-19, công suất chế biến thịt lợn của các nhà máy đã giảm xuống 78,3% trong tháng 4 và 72% trong tháng 5, thì công suất chế biến đã phục hồi lên 90,3% trong tháng 6 và trong tháng 7 đã đạt mức tương đương với trước khi bùng phát dịch bệnh.

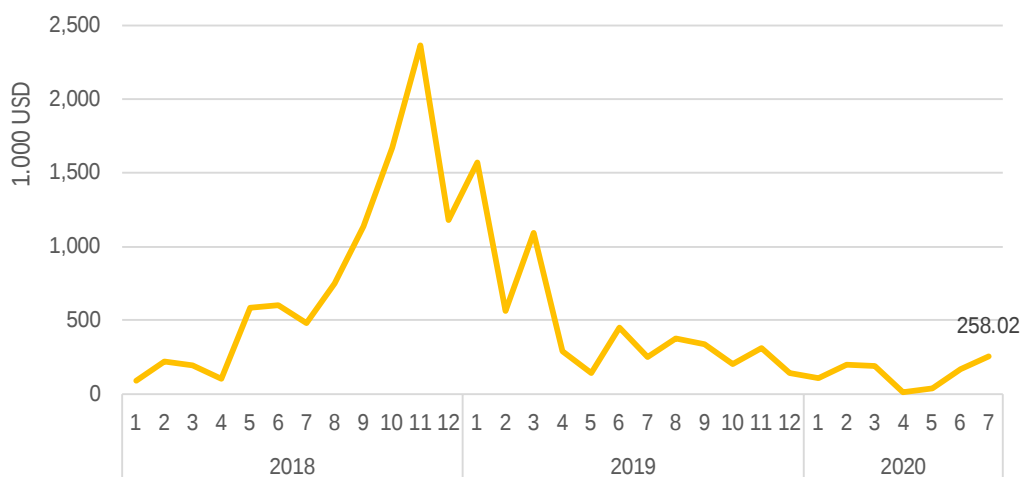
Xuất khẩu thịt lợn tháng 6/2020 của Hoa Kỳ đạt 233,74 nghìn tấn, tăng 3,3% so với cùng kỳ năm 2019. Xuất khẩu thịt lợn của Hoa Kỳ lớn nhất là sang thị trường Trung Quốc/Hồng Kông, tăng 141% so với cùng kỳ năm trước, trong khi các thị trường khác như Mexico, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc, Colombia đều giảm so cùng kỳ năm 2019. Tổng lượng xuất khẩu thịt lợn của Hoa Kỳ trong Quý II đạt 804,85 nghìn tấn, trong đó thị trường Trung Quốc/Hồng Kông chiếm tỷ lệ cao nhất với 38%, tiếp

theo là Mexico với 17%, Nhật bản chiếm 16%, v.v. Dự kiến xuất khẩu thịt lợn của Hoa Kỳ năm 2020 sẽ đạt 3,4 triệu tấn, cao hơn 19% so với năm 2019.

Trong tháng qua, giá lợn nạc giao tháng 10/2020 thị trường Chicago, Hoa Kỳ tăng 2,25 UScent/lb (~1.150 VNĐ/kg) so với tháng trước, lên mức 54,25 UScent/lb (~27.724 VNĐ/kg). Giá thịt lợn tiếp tục tăng do các nhà máy chế biến phải đóng cửa bởi dịch COVID-19 khiến tỷ lệ giết mổ ở hiện đang mức thấp chưa từng thấy trong những năm gần đây.

Giá trị xuất khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt của Việt Nam vào Hoa Kỳ tháng 7 năm 2020 đạt 258,02 nghìn USD, chiếm 3,5% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 54,6 % so với tháng trước và tăng 1,9% so với cùng kỳ năm 2019. Tính chung cả 7 tháng đầu năm 2020, giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm thịt sang thị trường này đạt 974,35 nghìn USD, giảm 77,7% so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 12: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7 năm 2020, chỉ có 3 công ty xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ là Công ty liên doanh nuôi và phát triển khỉ Việt Nam (chiếm 98,6%), Doanh nghiệp tư nhân Đặng Hiếu (0,7%) và Công Ty TNHH Thương Mại Thương Tín (0,7%). Sản phẩm xuất khẩu là động vật sống gồm kỳ tôm và khỉ đuôi dài (*Macaca Fascicularis*).

Giá trị nhập khẩu thịt và sản phẩm thịt từ thị trường Hoa Kỳ tháng 7/2020 đạt 16,01 triệu USD, chiếm 8,5% thị phần, tăng 22,1 % so với tháng trước và giảm 15,4% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, thịt lợn nhập khẩu tăng mạnh, giá trị

nhập khẩu thị lợn đông lạnh đạt 1,5 triệu USD (chiếm 9,5%, tăng 42% so với tháng 6 và 577% so với cùng kỳ năm 2019). Ngoài ra, các sản phẩm nhập nhiều bao gồm thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gà đông lạnh đạt 8,63 triệu USD (chiếm 54%, giảm 19,8% so với cùng kỳ năm 2019); thịt bò đông lạnh đạt 3,89 triệu USD (chiếm 24,9%, giảm 42,6% so với cùng kỳ năm 2019); thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của lợn, bò đạt 1,19 triệu USD (chiếm 7,44%, tăng 117%)

7. Thủy sản

Chiến tranh thương mại giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ đã tác động lớn các nhà nhập khẩu của quốc gia này. Theo dữ liệu của Cơ quan Khí quyển và Đại dương Quốc gia (NOAA), trong 6 tháng đầu năm 2020, các nhà nhập khẩu thủy sản của Hoa Kỳ đã phải trả 103,6 triệu USD tiền thuế do các khoản thuế Hoa Kỳ áp đặt đối với thủy sản nhập khẩu từ Trung Quốc. Trong 6 tháng đầu năm 2020, Hoa Kỳ đã nhập khẩu khoảng 190.568 tấn thủy sản Trung Quốc, với giá trị 771,6 triệu USD, giảm 3% về khối lượng và 17% về giá so với cùng kỳ năm 2019. So với cùng kỳ năm 2018 thời điểm trước khi chiến tranh thương mại bắt đầu, khối lượng nhập khẩu trong 6 tháng đầu năm 2020 thấp hơn 27% và giá trị nhập khẩu thấp hơn 39%. Với tốc độ này, các nhà nhập khẩu Hoa Kỳ đang mất khoảng 300 triệu USD mỗi năm do chi phí thuế quan. Từ các vấn đề trên, các nhà nhập khẩu thủy sản Hoa Kỳ đã mở rộng các thị trường nhập khẩu thủy sản ở các quốc gia khác để hạn chế những ảnh hưởng do chiến tranh thương mại mang lại, đây là cơ hội lớn cho ngành thủy sản Việt Nam.

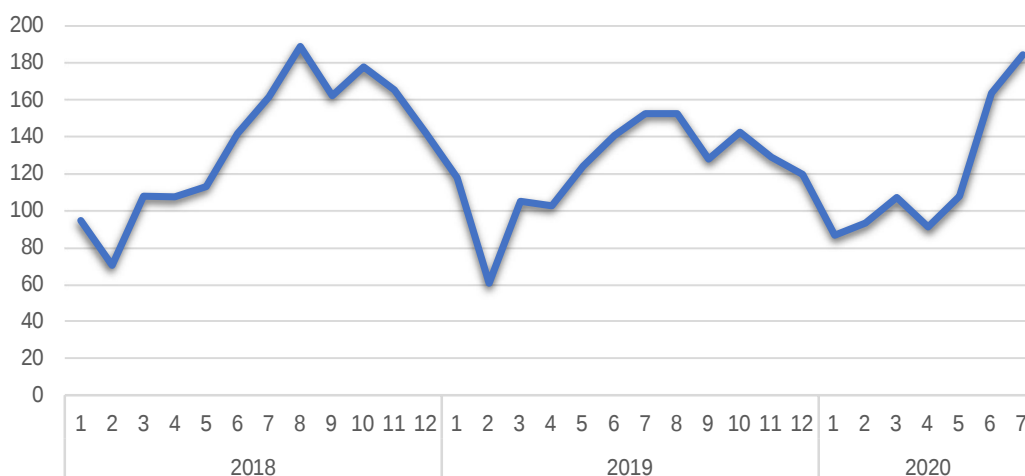
Thị trường Hoa Kỳ vẫn đang chịu nhiều tác động tiêu cực do đại dịch COVID-19 mang lại. Tuy nhiên, nhập khẩu tôm của Hoa Kỳ vẫn giữ được mức ổn định. Cụ thể, trong tháng 6/2020 giá trị nhập khẩu tôm đạt 51.042 tấn với trị giá 422,6 triệu USD. Giá trung bình nhập khẩu tôm vào Hoa Kỳ đạt 8,30 USD/kg, tăng 1% so với 8,18 USD/kg trong tháng 6/2019 và giảm 1% so với 8,41 USD/kg trong tháng 5. Tính hết 5 tháng đầu năm, Hoa Kỳ nhập khẩu 309.317 tấn, trị giá 2,6 tỷ USD, tăng 3% về khối lượng và 4% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái.

Cục Quản lý Đại dương và Khí quyển quốc gia Hoa Kỳ (NOAA) đã công bố Chương trình Giám sát thủy sản nhập khẩu vào Hoa Kỳ (SIMP) ngày 9 tháng 12

năm 2016. Chương trình được thiết lập nhằm theo dõi một số sản phẩm thủy sản nhập khẩu vào quốc gia này, yêu cầu báo cáo và lưu giữ báo cáo cần thiết để ngăn chặn khai thác thủy sản không báo cáo, không quản lý và bất hợp pháp (IUU), mô tả sản phẩm sai lệch cho các sản phẩm thủy sản được đưa vào Hoa Kỳ. Chương trình này ảnh hưởng đến 13 loài đã được xác định là đặc biệt có nguy cơ bị đánh bắt IUU và/hoặc gian lận thủy sản trong đó có Tôm và cá ngừ (hai mặt hàng thủy sản xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang thị trường này).

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 7/2020, xuất khẩu thủy sản sang thị trường, Hoa Kỳ đạt 184,35 triệu USD tăng 20,78% so với cùng kỳ năm 2019, chiếm 22,73% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường đang giữ được tốc độ tăng trưởng tốt, tăng 12,78% so với tháng 6/2020 là thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam. Tôm và cá ngừ là 2 mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất: tôm chiếm 60,27%; cá ngừ chiếm 14,81%.

Hình 13: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đối với mặt hàng tôm, giá trị xuất khẩu tôm tháng 7/2020 đạt 111,11 triệu USD tăng 60,27% so với cùng kỳ năm 2019, đưa giá trị xuất khẩu tôm 7 tháng đầu năm sang thị trường này đạt 384,63 triệu USD, tăng 17,08%. Tháng thứ 2 liên tiếp Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu tôm lớn nhất của Việt Nam, chiếm 29% thị phần. Trên thị trường Hoa Kỳ, trong 7 tháng đầu năm nay, tôm Việt Nam có lợi thế cạnh tranh hơn so với các nguồn cung đối thủ nhờ ổn định lại sản xuất nhanh hơn sau COVID-19 trong khi các nguồn cung như Ấn Độ và Ecuador vẫn còn đang phải chịu

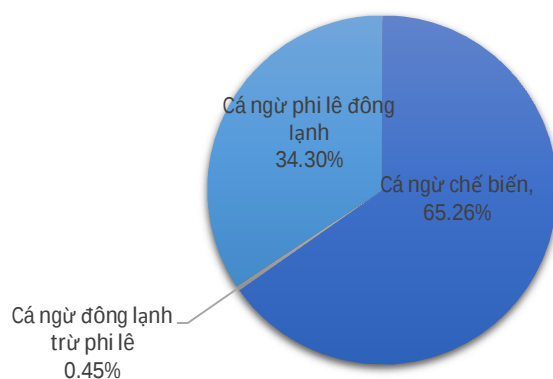
tác động nặng nề. Các nhà chế biến và xuất khẩu tôm của Ấn Độ, Ecuador không chỉ chịu tác động bởi đơn hàng giảm mà ngay cả hoạt động sản xuất trong nước bị đình trệ. Xuất khẩu tôm Ấn Độ sang Hoa Kỳ trong tháng 5 và 6 đều giảm mạnh do hoạt động sản xuất bị xáo trộn bởi dịch bệnh, chuỗi nguồn cung bị ảnh hưởng và hoạt động vận chuyển hàng hóa cũng bị ách tắc.

Tôm thẻ chân trắng là mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất ở thị trường này. Cụ thể, tính riêng tháng 7/2020, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng đạt 99,70 triệu USD, chiếm 89,73% tổng giá trị tôm xuất khẩu, tăng 50,11% so với cùng kỳ năm 2019; giá trị xuất khẩu tôm sú đạt 10,08 triệu USD, chiếm 9,07%, tăng 31,19%; giá trị xuất khẩu tôm loại khác đạt 1,33 triệu USD, chiếm 1,19%, giảm 47,40%.

Mặt hàng cá tra, giá trị xuất khẩu tháng 7 năm 2020 đạt 26,87 triệu USD, tăng 4,87% so với cùng kỳ năm 2019, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu cá tra 7 tháng đầu năm sang thị trường này đạt 133,78 triệu USD, giảm 20,22% so với cùng kỳ năm trước. Tính riêng tháng 7/2020, giá trị xuất khẩu cá tra sống/tươi/đông lạnh/ khô trừ phi-lê đạt 0,46 triệu USD, tăng 94,60% so với cùng kỳ năm 2019; Cá tra phi-lê đạt 26,35 triệu USD, tăng 3,78%.

Mặt hàng cá ngừ, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu cá ngừ lớn nhất của Việt Nam, trong 7 tháng đầu năm giá trị xuất khẩu đạt 153,47 triệu USD, giảm 19,46% so với cùng kỳ năm 2019. Tính riêng tháng 7/2020, giá trị xuất khẩu cá ngừ đạt 27,30 triệu USD, giảm 10,07% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá trị xuất khẩu cá ngừ phi lê đạt 9,36 triệu USD, giảm 53,17% so với cùng kỳ năm 2019; giá trị xuất khẩu cá ngừ tươi, sống đông lạnh trừ phi lê đạt 012 triệu USD, giảm 35,22%; cá ngừ chế biến đạt 17,81 triệu USD, tăng 75,06%.

Hình 14 : Cơ cấu xuất khẩu cá ngừ sang thị trường Hoa Kỳ tháng 7/2020

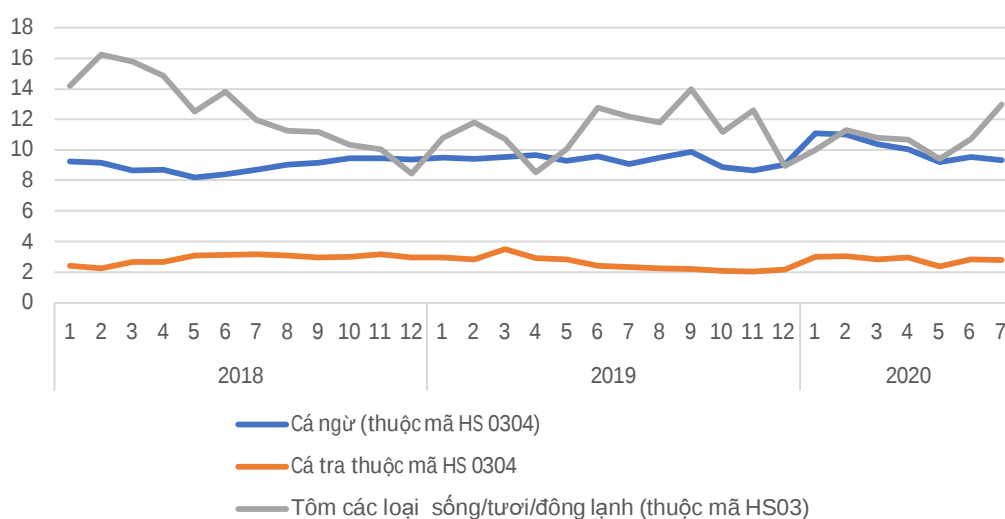


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ như sau: Mực và bạch tuộc đạt 0,97 triệu USD, giảm 47,89%; Cua – ghẹ đạt 2,80 triệu USD, tăng 84,63%; Các loại thủy sản khác đạt 15,30 triệu USD, giảm 8,07% so với cùng kỳ 2019.

Giá xuất khẩu cá ngừ (thuộc mã HS 0304) tháng 7/2020 đạt trung bình 9,32USD/kg, tăng 2,53% so với cùng kỳ năm 2019. Giá cá tra (thuộc mã HS 0304) đạt trung bình 2,80 USD/kg, tăng 19,06%; Tôm các loại (thuộc mã HS03) đạt 12,98 USD/kg, tăng 6,65%.

Hình 15: Giá một số mặt hàng thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

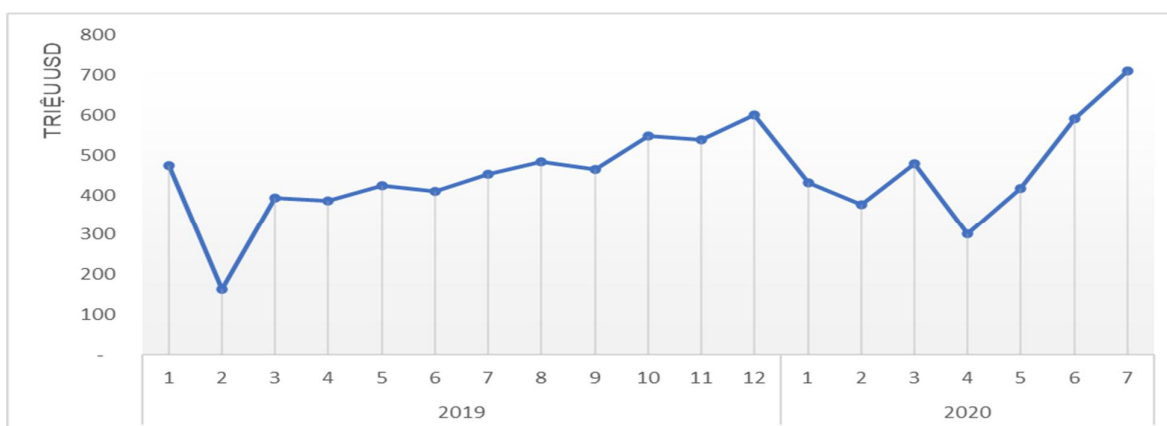
Tháng 7 năm 2020, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hoa Kỳ là Công ty cổ phần thủy sản Sóc Trăng đạt 28,01 triệu USD, chiếm 17,14% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty TNHH thủy sản Biển Đông đạt 9,60 triệu USD chiếm 5,88%; Công ty cổ phần thủy sản sạch Việt Nam đạt 8,54 triệu USD chiếm 5,23%.

8. Gỗ và sản phẩm từ gỗ

Tại Hoa Kỳ, thị trường gỗ và các sản phẩm từ gỗ có nhiều tiềm năng phục hồi nhờ đà phục hồi của thị trường nhà ở trong tháng 6. Bên cạnh đó, việc các tiểu bang gỗ bỏ lệnh phong tỏa và quay trở lại với các hoạt động kinh tế đã góp phần thúc đẩy nhu cầu thị trường nhà ở nước này phục hồi trở lại. Điều này là tín hiệu tích cực đối với xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ của Việt Nam trong các tháng cuối năm. Trong 7 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 3,3 tỷ USD, tăng 22% so với cùng kỳ năm 2019; so với tháng 7/2019, giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ sang thị trường này tăng tới 57%.

Xét về tỷ trọng xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ cũng ghi nhận mức tăng trưởng đột biến với mức tăng 7%². Trong đó, động lực tăng trưởng xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ chủ yếu đến từ nhóm hàng đồ gỗ nội, ngoại thất. Có thể thấy, sau đại dịch Covid-19, xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ trong khi xuất khẩu sang một số thị trường truyền thống thuộc EU đang gặp khó khăn.

Hình 16: Xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ của Việt Nam sang Hoa Kỳ



² Tỷ trọng xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ sang thị trường Hoa Kỳ đạt 47%, con số này tăng lên 54% trong 7 tháng đầu năm 2020

Theo Tổ chức Gỗ nhiệt đới Quốc tế (ITTO), mặc dù triển vọng thị trường nhà ở được cải thiện trong những tháng gần đây, tuy nhiên, nhập khẩu gỗ nguyên liệu của Hoa Kỳ có chiều hướng giảm do diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 tại các nước đối tác cung ứng gỗ nguyên liệu cho Hoa Kỳ. Theo Woodworking Network, các nhà thầu xây dựng lớn tại Hoa Kỳ đang đối mặt với một số khó khăn về nguồn cung gỗ nguyên liệu trong bối cảnh nhu cầu sản phẩm gỗ ngày càng tăng tại thị trường trong nước. Nhiều quốc gia Bắc Hoa Kỳ đã giảm đáng kể sản lượng gỗ xẻ do phải cắt giảm việc làm trong đại dịch Covid-19. Bên cạnh đó, giá gỗ xẻ nhập khẩu vào thị trường Hoa Kỳ cũng đã tăng liên tiếp trong hai tháng vừa qua do thiếu hụt nguồn cung.

Đối với nhóm hàng gỗ dán, theo ITTO, nhập khẩu gỗ dán của Hoa Kỳ trong tháng 5 vừa qua cũng ghi nhận tăng trưởng đáng kể với mức tăng 21% so với tháng 4. Nhập khẩu gỗ dán của Hoa Kỳ từ Malaysia tăng gấp 4 lần so với tháng 4. Tương tự, nhập khẩu từ Indonesia cũng tăng tới 47%; từ Việt Nam tăng 43% và từ Nga tăng 32%.

Đối với nhóm hàng đồ gỗ nội ngoại thất, theo ITTO, số đơn hàng nội thất của Hoa Kỳ trong tháng 5 tăng tới 166% so với tháng 4. Tuy nhiên, nếu so với cùng kỳ năm 2019 thì số đơn hàng giảm 8%, thấp hơn nhiều so với con số 61% của tháng 4 trước đó.

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Cuối tháng 8, đầu tháng 9 hàng năm thường là thời điểm thu hoạch lúa tại Bang Arkansas, bang trồng lúa lớn nhất Hoa Kỳ. Tuy nhiên vào cuối tháng 8, bão Laura – một trong những cơn bão mạnh nhất trong lịch sử Hoa Kỳ, đã tấn công các bang miền nam mang theo gió mạnh và mưa lớn, gây thiệt hại cho nông dân trồng lúa của vùng này, trong đó có Arkansas. Thực tế, vào thời điểm cơn bão đổ bộ, toàn bang Arkansas mới thu hoạch được khoảng 1-2% tổng diện tích. Theo ước tính ban đầu, cơn bão có thể khiến năng suất lúa gạo của Arkansas vụ năm nay giảm 30%. Arkansas là khu vực trồng nhiều lúa hạt dài (lúa tẻ với hạt dài, không dính), do đó, dự báo Hoa Kỳ có thể thiếu hụt nguồn cung gạo hạt dài trong thời gian tới.

Theo USDA, trong năm 2019/20, nước này nhập khẩu chủ yếu từ Thái Lan với ước tính chiếm 59% tổng lượng nhập khẩu, tiếp đó là Ấn Độ với 18%. Trong bối cảnh gạo Thái Lan vẫn ở mức cao, và Ấn Độ đang bị gián đoạn logistics do ảnh hưởng của dịch Covid-19, việc xuất khẩu gạo của hai nước này sang thị trường Hoa Kỳ có thể bị ảnh hưởng mạnh trong thời gian tới. Gạo nhập khẩu từ Ấn Độ chủ yếu là gạo basmati, còn gạo nhập khẩu từ Thái Lan chủ yếu là gạo thơm. Mặc dù Việt Nam cũng có gạo thơm nhưng so với Thái Lan, Việt Nam vẫn còn nhiều thiếu sót về thương hiệu và chất lượng ổn định, do đó, để có thể đẩy mạnh xuất khẩu sang Hoa Kỳ trong thời gian tới, gạo Việt Nam cần khắc phục các tồn tại này.

2. Cà phê

Những hy vọng hồi phục của nền kinh tế Hoa Kỳ bị đứt đoạn khi các thông số kinh tế quý II/2020 của Hoa Kỳ được công bố giảm 33%, là mức sụt sâu nhất tính từ thời kỳ Đại Khủng hoảng và nhiều gấp đôi so với đợt khủng hoảng 2008-2009. Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) dự báo rằng tiêu thụ cà phê sẽ giảm sâu nhất lần đầu tiên kể từ 10 năm qua.

3. Thủy sản

Dự báo, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng trong thời gian tới vẫn giữ được mức độ tăng trưởng ổn định, một số mặt hàng xuất khẩu có xu hướng tăng mạnh như tôm và cá ngừ. Nguyên nhân, do chúng ta đang có lợi thế cạnh tranh lớn với các đối thủ cạnh tranh trực tiếp; thuế chống bán phá giá đối với mặt hàng cá tra giảm và nhu cầu tiêu thụ trên thị trường này đang có xu hướng tăng trưởng trở lại. Các nhà xuất khẩu sang thị trường này nhất là đối với các mặt hàng tôm, cá ngừ cần chú ý đến Chương trình Giám sát thủy sản nhập khẩu vào Hoa Kỳ. Chính vì vậy, để nhập khẩu các mặt hàng này vào thị trường Hoa Kỳ cần khai báo hoặc giữ lại các thông tin: (1) Tổ chức sản xuất ; (2) Vụ thu hoạch – Loài, thời điểm và địa điểm đánh bắt ; (3) Nhà nhập khẩu .

4. Gỗ và các sản phẩm từ gỗ

Thị trường Hoa Kỳ là một trong những thị trường có tiềm năng phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch Covid-19. Đây cũng là một trong những thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam với tỷ trọng xuất khẩu gia tăng đáng kể trong 7 tháng đầu năm. Tuy nhiên, xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ vẫn phải đối mặt với nguy cơ, rủi ro về nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm. Việc Hoa Kỳ khởi xướng điều tra sản phẩm gỗ dán của Việt Nam một lần nữa rầy lên hồi chuông cảnh báo đối với toàn ngành gỗ của Việt Nam về tính minh bạch, nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm xuất khẩu. Trước mắt, cơ quan chức năng cần tích cực trao đổi với Hoa Kỳ cả ở cấp kỹ thuật và cấp cao về việc phối hợp giữa các cơ quan trong việc rà soát, theo dõi và trao đổi thông tin về các mặt hàng có nguy cơ bị điều tra phòng vệ thương mại, bao gồm cả điều tra chống lừa tránh, chuyển tải bất hợp pháp. Các doanh nghiệp xuất khẩu gỗ dán liên quan của Việt Nam tham gia hợp tác đầy đủ với Bộ Thương mại Hoa Kỳ trong suốt quá trình điều tra vụ việc và tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp, hiệp hội liên quan để cùng xử lý vụ việc với mục tiêu đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, phối hợp với các bộ ngành triển khai các nhiệm vụ được giao để xử lý các hành vi lừa tránh bất hợp pháp.

PHỤ LỤC

Bảng 1: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 7/2020

STT	Sản phẩm	Tháng 7/ 2020 (USD)	Tăng /giảm so T6/2020	Tăng /giảm so T7/2019	Tỷ trọng
1	Cà phê	17.395.954	-7,24%	13,28%	1,63%
2	Cao su	1.676.373	-22,46%	-70,46%	0,16%
3	Chè	644.241	6,37%	-14,20%	0,06%
4	Gạo	1.031.503	-54,47%	-5,37%	0,10%
5	Gỗ và SP gỗ	712.173.107	20,52%	57,05%	66,86%
6	Rau quả	13.005.501	-12,73%	-6,02%	1,22%
7	Thủy sản	184.354.309	12,78%	20,78%	17,31%
8	Hạt điều	68.845.552	-5,17%	-35,01%	6,46%
9	Hạt tiêu	12.451.332	25,91%	10,72%	1,17%
10	Mây tre đan	23.370.318	12,79%	70,33%	2,19%
11	SP từ cao su	18.962.856	3,02%	8,89%	1,78%
12	TĂGS và nguyên liệu	11.069.166	-0,65%	132,34%	1,04%
13	Thịt và SP thịt	258.020	54,58%	1,85%	0,02%
Tổng XK NLTS		1.065.238.232	15,04%	33,80%	100,00%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 2: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hoa Kỳ tháng 6/2020

Đơn vị: USD

TT	Loại sản phẩm	Tháng 7/2019		Tháng 7/2020		So sánh 2020/2019 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Gạo thơm	994	713.006	1.153	850.267	16,1%	19,3%
2	Gạo trắng	471	232.149	229	126.760	-51,4%	-45,4%
3	Gạo Japonica	61	37.894	50	36.686	-18,6%	-3,2%
4	Các loại gạo khác	81	106.948	19	17.791	-77,0%	-83,4%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hoa Kỳ tháng 7/2020

TT	Sản phẩm	Tháng 7/2019 (USD)	Tháng 7/2020 (USD)	So sánh T7.2020/T7.2019 (%)
	Tổng giá trị xuất khẩu	13,838,877	13,005,501	-6.0%
1	Dừa	914,128	1,570,593	71.8%
2	Dứa	426,185	770,721	80.8%
3	Sầu riêng	213,850	726,874	239.9%
4	Thanh long	1,958,004	698,658	-64.3%
5	Nấm các loại	1,078,231	648,458	-39.9%
6	Xoài	373,571	619,504	65.8%
7	Ngô	693,215	597,339	-13.8%
8	Nhãn	941,737	449,662	-52.3%
9	Khác	7,239,957	6,923,693	-4.4%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang Hoa Kỳ tháng 7/2020

TT	Sản phẩm	T7/2019 (USD)	T7/2020 (USD)	So sánh T7.2020/T7. 2019 (%)
	Tổng giá trị xuất khẩu	454.733,1	166.912,6	-63,3%
1	Đùi ếch đông lạnh	314.280,1	165.242,6	-47,4%
2	Động vật sống (kỳ tôm, kỳ đuôi dài)	140.115,0	1.670,0	-98,8%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 7 năm 2020

Loại sản phẩm	Tháng 7/2019 (USD)	Tháng 7/2020 (USD)	So sánh 2020/19 (%)
Cá ngừ	30.357.397	27.299.165	-10,07
Cá tra	25.623.751	26.872.470	4,87
Cua - ghẹ	1.517.461	2.801.633	84,63
Mực và bạch tuộc	1.864.759	971.679	-47,89
Tôm sú	7.685.787	10.082.816	31,19
Tôm thẻ chân trắng	66.418.374	99.701.615	50,11

Loại sản phẩm	Tháng 7/2019 (USD)	Tháng 7/2020 (USD)	So sánh 2020/19 (%)
Tôm loại khác	2.521.275	1.326.088	-47,40
Thủy sản khác	16.641.934	15.298.844	-8,07

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ

Sản phẩm	Tháng 7/2019 (tr.USD)	Tháng 7/2020 (tr.USD)	So sánh 2020/19 (%)
Đồ gỗ nội, ngoại thất	384.60	650.58	69.2%
Gỗ dán	24.58	27.25	10.8%
Gỗ xây dựng, panel gỗ	11.01	16.00	45.4%
Sản phẩm bằng gỗ khác	1.14	3.41	199.9%
Ván sợi	0.78	2.12	170.1%
Gỗ gia cường	1.91	1.55	-18.9%
Gỗ khung tranh, ảnh	1.09	0.98	-10.6%
Hòm, hộp gỗ	0.39	0.48	24.8%
Gỗ xẻ	0.04	0.40	1037.8%

Nguồn: Tổng cục Hải Quan